TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-PT
Ngày 22 - 01 - 2019
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 22 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thanh T, sinh năm 1961; cư trú tại: Số A - B, ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Huy L, sinh năm 1960; cư trú tại: Số A - B, ấp P, xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 14/01/2019, (có mặt)).

- *Bị đơn:* Bà Tiết Thị X, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bà Lý Thị X, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3. Ông Thạch P, sinh năm 1951; cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Trịnh Thanh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại lời khai của nguyên đơn bà Trịnh Thanh T và ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Huy L trình bày: Khoảng đầu năm 2012 bà Tiết Thị X có đến cửa hàng của bà T để mua tol, gỗ dầu và còn nợ tiền của bà T, do không có khả năng chi trả nên ngày 16/4/2016, bà Tiết Thị X có đến cửa hàng của bà T để ký kết hợp đồng thế chấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 511581 đứng tên Mã Thị L, số AD 511580 đứng tên Mã Thị L, số AD 016104 đứng tên Thạch P, số AK 531050 đứng tên Huỳnh X và Lý Thị X để vay của bà T số tiền 170.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Từ ngày 16/4/2012 đến ngày 18/4/2012, bà Tiết Thị X cùng chồng là ông Trần Văn T có đến cửa hàng của bà T để lấy tiền mặt, lấy nhiều đợt, tổng cộng 170.000.000 đồng (đợt 1 lấy 30.000.000 đồng, đợt 2 lấy 800.000 đồng, đợt 3 lấy 30.980.000 đồng, đợt 4 lấy 108.220.000 đồng).

Bà T đã đến nhà bà Tiết Thị X đòi nợ nhiều lần nhưng bà Tiết Thị X cứ hứa hẹn, về sau tránh mặt không gặp bà, không có thiện chí trả nợ.

Nay bà T yêu cầu bà Tiết Thị X trả số tiền là 1.406.099.205 đồng (tiền gốc 170.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày 31/7/2018 là 1.236.099.205 đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật cho đến khi bà Tiết Thị X trả hết nợ theo ký kết trong hợp đồng thế chấp vay tiền.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, ông Phạm Huy L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày bà T chỉ yêu cầu bà Tiết Thị X trả tổng số 500.000.000 đồng (gồm nợ gốc 170.000.000 đồng, lãi suất tính đến ngày xét xử là ngày 14/11/2018 là 350.000.000 đồng), tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án, ngoài ra không còn ý kiến gì khác.

Bị đơn bà Tiết Thị X trình bày tại các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa: Bà Tiết Thị X thừa nhận có nợ bà T số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng, thừa nhận chữ ký trong Giấy nhận nợ do bà T cung cấp là của bà, bà khẳng định khoảng đầu năm 2012 thì bà có mua vật liệu xây dựng của bà T, sau khi đối chiếu thì bà còn nợ 80.000.000 đồng, một thời gian sau tính gốc và lãi suất là 120.000.000 đồng. Sau thời điểm này thì chồng bà T là ông Huy L có đến tìm bà để yêu cầu bà thế chấp quyền sử dụng đất, lúc này Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà đang thế chấp tại Quỹ tín dụng nên ông L đưa thêm cho bà 50.000.000 đồng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho ông L. Tổng cộng bà Tiết Thị X đã đưa cho bà T 04 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như bà T trình bày là đúng. Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà Tiết Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T trình bày: Ông T thống nhất ý kiến của bà Tiết Thị X, thừa nhận có mua vật tư và có nợ bà T. Do làm ăn thất bại nên vợ chồng ông không có khả năng trả nợ. Đối với yêu cầu của bà T thì ông Tài yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ông T yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không ý kiến gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị X trình bày: Năm 2012 ông T và bà Tiết Thị X có đến nhà bà mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà (số AK 531050 do hộ ông Huỳnh X và bà Lý Thị X đứng tên) để thế chấp, đến nay thời gian đã lâu chưa trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Trong vụ án này bà không biết cụ thể giao dịch vay giữa bà Tiết Thị X với bà T nên không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch P trình bày: Năm 2012 ông T và bà Tiết Thị X có đến nhà ông mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông (số AD 016104 do hộ ông Thạch P đứng tên) để thế chấp, đến nay thời gian đã lâu chưa trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Trong vụ án này, ông không biết cụ thể giao dịch vay giữa bà Tiết Thị X với bà T nên không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Từ những nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thanh T đối với bà Tiết Thị X;

2. Buộc bà Tiết Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thanh T số tiền 295.205.000 đồng (gốc 170.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 14/11/2018 là 125.205.000 đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thanh T đòi bà Tiết Thị X số tiền 204.795.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Tiết Thị X phải chịu 14.760.250 đồng; bà Trịnh Thanh T phải chịu án phí số tiền 10.239.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 27.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0014435 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được đối trừ, bà T được nhận lại số tiền 16.760.250 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, Luật Thi hành án trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 28/11/2018, nguyên đơn bà Trịnh Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Tiết Thị X trả vốn gốc 170.000.000 đồng, lãi theo hợp đồng cầm cố hai bên tự nguyện thỏa thuận lãi suất 3%/tháng từ ngày 18/4/2012 đến ngày 31/7/2018 là 1.236.099.205 đồng, lãi suất từ ngày 01/8/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất Nhà nước quy định và lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Huy L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, qua ý kiến trình bày của các đương sự, đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn bà Trịnh Thanh T và bị đơn bà Tiết Thị X cùng thống nhất trình bày giữa bà T và bà Tiết Thị X có giao dịch vay tài sản, số tiền vay vốn gốc là 170.000.000 đồng, có Biên nhận nợ có chữ ký và viết tên của bà Tiết Thị X. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà T khởi kiện yêu cầu đòi số tiền vốn gốc 170.000.000 đồng và số tiền lãi suất 1.236.099.205 đồng, bà T tự tính theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp ngày 18/4/2012 là 3%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Phạm Huy L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Trịnh Thanh T chỉ yêu cầu bà Tiết Thị X trả 500.000.000 đồng (gốc 170.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 14/11/2018 là 330.000.000 đồng).

[4] Phía bị đơn bà Tiết Thị X thừa nhận có nợ và đồng ý thanh toán số tiền vốn gốc 170.000.000 đồng nhưng bà Tiết Thị X không đồng ý trả lãi suất như yêu cầu của bà T mà yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[5] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Trịnh Thanh T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Tiết Thị X trả vốn gốc 170.000.000 đồng, lãi theo hợp đồng

thế chấp hai bên tự nguyện thỏa thuận lãi suất 3%/tháng từ ngày 18/4/2012 đến ngày 31/7/2018 là 1.236.099.205 đồng, lãi suất từ ngày 01/8/2018 đến ngày xét xử theo mức lãi suất Nhà nước quy định và lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy ủy quyền ngày 14/11/2018 có nội dung ông Phạm Huy L được toàn quyền quyết định thay mặt bà T giải quyết mọi vấn đề có liên quan trong vụ án, ý kiến của ông L trong vụ án này là ý kiến của bà T. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 14/11/2018, ông Phạm Huy L chỉ yêu cầu bà Tiết Thị X trả 500.000.000 đồng (gốc 170.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 14/11/2018 là 330.000.000 đồng). Tại phiên Tòa phúc thẩm, ông Huy L lại tiếp tục khẳng định chỉ yêu cầu bà Tiết Thị X trả tiền gốc 170.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 14/11/2018 là 330.000.000 đồng. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của đương sự vẫn nằm trong phạm vi khởi kiện ban đầu, việc thay đổi yêu cầu hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết buộc bà Tiết Thị X trả cho bà T số tiền 170.000.000 đồng tiền gốc theo sự thống nhất thừa nhận của cả nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

[6] Đối với tiền lãi suất: Ông Huy L yêu cầu tính số tiền lãi suất 330.000.000 đồng nhưng ông không nêu được căn cứ pháp lý chứng minh cho yêu cầu của ông, tại Tòa án cấp phúc thẩm ông L cũng không cung cấp thêm chứng cứ mới nên cấp sơ thẩm căn cứ quy định pháp luật về mức lãi suất tại thời điểm giao dịch tính số tiền lãi suất đến ngày 14/11/2018 thành tiền là 125.205.000 đồng là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T về việc yêu cầu tính lãi suất 330.000.000 đồng.

[7] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được ký kết giữa bà T và bà Tiết Thị X, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm bà Tiết Thị X, ông P và bà Lý Thị X yêu cầu nhận lại các Giấy chứng nhận mà bà Tiết Thị X đã thế chấp cho bà T. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Tiết Thị X không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết hợp đồng thế chấp tài sản, ông P và bà Lý Thị X xác định không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Tại Đơn khởi kiện và suốt quá trình làm việc tại Tòa cấp sơ thẩm, bà T và ông L đã xác định phạm vi khởi kiện chỉ yêu cầu bà Tiết Thị X trả lại số tiền vay, ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với quan hệ Hợp đồng thế chấp tài sản là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị liên quan đến Hợp đồng thế chấp tài sản nên căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm: "*Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị*". Nếu các đương sự trong vụ án xác định quyền lợi của các đương sự bị ảnh hưởng thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trịnh Thanh T, không chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[9] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm bà Trịnh Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92; điểm d khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 471, Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trịnh Thanh T và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2018/DS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thanh T đối với bà Tiết Thị X;

2. Buộc bà Tiết Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Trịnh Thanh T số tiền 295.205.000 đồng (gốc 170.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 14/11/2018 là 125.205.000 đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thanh T đòi bà Tiết Thị X số tiền 204.795.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Tiết Thị X phải chịu 14.760.250 đồng; bà Trịnh Thanh T phải chịu án phí số tiền 10.239.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí 27.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0014435 ngày 12/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, bà T được nhận lại số tiền 16.760.250 đồng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trịnh Thanh T phải chịu 300.000 đồng. Bà Trịnh Thanh T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0014512 ngày 28/11/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu (do Cao Văn Cọp nộp thay), được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. HCM (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- TAND huyện H (01 bản);
- CCTHADS huyện H (01 bản);
- Đương sự (05 bản);
- Lưu HS, TDS (01 bản), Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Châu Minh Nguyệt